

Bản án số: **25/2024/DS-ST**

Ngày: 25-9-2024

“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Ông Nguyễn Văn Thi.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 25/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 62/2024/TLST-DS ngày 29/5/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-DS ngày 09/9/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1998;
Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.
Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã A, tỉnh Gia Lai.
Địa chỉ: A Q, thị xã A, tỉnh Gia Lai.
Chị H và anh V đều có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Vì là chỗ quen biết với nhau nên trước đó anh Nguyễn Văn V có hỏi và được chị cho vay tiền. Đến ngày 11/01/2024, giữa anh V và chị đã xác định lại số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*). Anh V đã tự nguyện viết nội dung vay chị H số tiền trên vào giấy vay tiền rồi ký và ghi rõ họ tên V, Nguyễn Văn V. Chị H đã cung cấp giấy vay tiền trên cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện. Trong quá trình nhận nợ, anh V chưa trả được cho chị khoản tiền nợ nào, chị H cũng đã trực tiếp gặp anh V để yêu cầu trả nợ và mẹ của anh V là bà H1 có hẹn sẽ trả nợ cho chị H. Tuy nhiên, bà H1 chỉ hẹn trả nợ bằng miệng chứ không ký vào văn bản nhận trả nợ nào cả nên bà H1 không liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa chị và anh V.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn V phải trả cho chị số tiền nợ 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), chị không yêu cầu anh V phải trả tiền nợ lãi.

Tại bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày: Anh có vay và hiện còn nợ chị H số tiền là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), anh chưa có điều kiện để trả cho chị H, số tiền 50.000.000 đồng anh vay và đóng lãi 3.000 đồng/triệu và nay anh đã hết khả năng trả nợ.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Bản gốc Giấy vay tiền đề có nội dung: “*Hôm nay ngày 11/1/2024 em V nợ chị H 50.000.000. vang Nguyễn Văn V*”; 01 Căn cước công dân mang tên Trần Thị H (bản pho to);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, không lãi suất; bị đơn anh Nguyễn Văn V có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền đề ngày 11/01/2024 có nội dung anh Nguyễn Văn V vay của chị Trần Thị H số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), phía dưới có chữ ký của anh V và ghi rõ họ tên Nguyễn Văn V. Việc vay tiền và chứng cứ là giấy vay tiền nói trên đã được anh V thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V thừa nhận chưa trả được khoản tiền nào cho chị H và hiện còn nợ chị H số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) nợ gốc nhưng anh không có khả năng trả nợ. Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn V đến tham gia các phiên họp và hoà giải, phiên tòa nhưng anh V vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt, anh V giữ nguyên quan điểm trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để xác định, hiện bị đơn anh Nguyễn Văn V vẫn còn nợ nguyên đơn chị Trần Thị H số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn V phải trả cho nguyên đơn chị Trần Thị H số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H được chấp nhận toàn bộ nên chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Anh Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng (*hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn V phải trả cho nguyên đơn chị Trần Thị H số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) nợ gốc.

Kể từ ngày người được thi hành án chị H có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án anh V thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên (50.000.000 đồng), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn V phải chịu 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000 đồng (*một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002198 ngày 29/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc